

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 10-8-2022.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nguyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Đoàn Văn Em.

+ Ông Nguyễn Văn Vũ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 742022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị D** - Sinh năm: 1990, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Lâm Văn N** - Sinh năm: 1983; địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2022, bản tự khai ngày 02 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị D trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Lâm Văn N kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 06 tháng 01

năm 2015 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Chị và anh N chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể đoàn tụ được nên chị D yêu cầu ly hôn với anh N, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

*Về con chung:* Chị D và anh N chưa có con chung.

*Về tài sản chung:* Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Chị D trình bày là không có.

*Bị đơn là anh Lâm Văn N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh về các vấn đề có liên quan đến vụ án.*

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn*” với anh N có địa chỉ tại: ấp E, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh N vắng mặt tại các phiên hòa giải vào ngày 02 tháng 6 năm 2022 và ngày 14 tháng 6 năm 2022, đồng thời chị D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án xét xử vắng mặt chị D, anh N là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Chị D và anh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G vào ngày 06/01/2015, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của chị D, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được giữa chị D và anh N có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được, giữa anh chị không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống. Anh N không có mặt tại Tòa

án để tham gia các phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ, trong khi đó chị D kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh N, từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Duyên với anh N đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị D về việc ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị D và anh N chưa có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ; anh N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không gửi cho Tòa án văn bản có yêu cầu gì về các nội dung nêu trên, đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D, cụ thể:

*1/ Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị D được ly hôn với anh Lâm Văn N.

*2/ Về con chung:* Chị Lê Thị D và anh Lâm Văn N chưa có con chung nên không xem xét, giải quyết.

*3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung:* Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

*4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Lê Thị D phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007580 ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị D, anh Lâm Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND xã G;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)  
**Nguyễn Văn Nguyên**

